

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 12 tháng 5 năm 2020  
Về việc: Ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà: Nguyễn Thị Loan

Ông: Bùi Xuân Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Khanh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị K**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Anh **Dương Văn P**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, nguyên đơn là chị Lê Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn P chung sống với nhau vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Dương Yến L, sinh ngày 06/01/2002 (Trưởng thành); Dương Như

Ý, sinh ngày 10/11/2008 cháu L trưởng thành cháu Ý trên 7 tuổi hiện theo nguyện vọng của cháu theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Dương Văn P:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy mời về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn chị Lê Thị K và anh Dương Văn P có nơi trú tại ấp B, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Dương Văn P, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị K là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị K là nguyên đơn, anh P là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị K có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Dương Văn P tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy mời về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị K và anh Dương Văn P kết hôn năm 2001, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Đơn khởi kiện và đơn xin vắng mặt của chị K và anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh P. Do anh P và chị K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa chị K và anh P là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị K muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân Tòa án không công nhận anh P và chị K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung Dương Yến L, sinh ngày 06/01/2002 (Trưởng thành); Dương Như Y, sinh ngày 10/11/2008 cháu L trưởng thành cháu Y trên 7 tuổi hiện theo nguyện vọng của cháu muốn sống với chị K.

Xét, con chung tên Dương Như Y, sinh ngày 10/11/2008 sống chung với chị K và nguyện vọng của các cháu muốn sống với chị K, hiện đang đi học nên gần gũi với chị K, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận tự nguyện giữa cháu Y, giao cháu Dương Như Y, sinh ngày 10/11/2008 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị K không yêu cầu cấp dưỡng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P nên việc cấp dưỡng không xem xét. Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định không có, Tòa án không ghi được ý kiến anh P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản chung nợ chung thì kiện thành một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Chị K tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Không công nhận Chị Lê Thị K và anh Dương Văn P là vợ chồng.

**2.** Về con chung: Giao cháu Dương Như Y, sinh ngày 10/11/2008 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh P không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

**3.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị K tự nguyện chịu 300.000 đồng, ngày 20/02/2020 theo biên lai số 0003281 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi*

*hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Trần Hợi, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trương Thanh Thủy**